TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 227/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12– 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Anh Đoan

Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T(Nguyễn P T1sinh năm 1991; nơi cư trú: số D, tổ I, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1 năm 1988; nơi cư trú: số D, tổ I, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang

(chị T1đơn xin vắng mặt, anh T2vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Chị T2 và anh Nguyễn Văn T3 hiểu quen biết nhau được cha mẹ tổ chức lễ cưới năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn UBND xã LSau đám cưới vợ chồng lên thành phố Hồ Chí Minh chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, anh T2không lo làm ăn, theo bạn bè cá độ đá banh, cờ bạc, đá gà, khuyên ngăn thì có hành vi bạo lực gia đình, nhưng vì con chị T1cố gắng chịu đựng đến khoảng năm 2014 về sống với cha mẹ ruột, ly thân từ cuối năm 2014 không hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T2 yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T4

+ Vợ chồng: có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ ngày 07/6/2011, đang sống với chị T5 ly hôn chị T1yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T2cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với anh T4. Con chung tiếp tục giao chị T2 nuôi dưỡng, anh T4 không cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giangnên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 00024 ngày 03/5/2012 do Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp. Chị T2 cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm, không liên lạc với nhau và đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T2 yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: con chung hiện đang sống với chị T2 đồng thời cháu có nguyện vọng sống chung mẹ, để đảm bảo môi trường phát triển của cháu tiếp tục giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chị T1không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T4 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T1trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: chị T2 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T(Nguyễn Phương T6

1. Về hôn nhân gia đình: chị Nguyễn Thị T(Nguyễn P T1được ly hôn với anh Nguyễn Văn T4

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành Đ ngày 07/6/2011 cho chị T6 được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Anh T4 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T6 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T4 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ: Ghi nhận chị T6 trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: chị T6 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006438 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Nguyễn Văn T7 phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Long Hoà, huyện Phú Tân
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc